



Trung Quốc

TRÊN CON ĐƯỜNG CẢI CÁCH, MỞ CỬA VÀ HỘI NHẬP NHÌN TỪ DÒNG CHẢY LỊCH SỬ

NGUYỄN VĂN VƯỢNG

I. CHÂU Á TRƯỚC TRÀO LƯU “CẬN ĐẠI HOÁ”⁽¹⁾

Một học giả nghiên cứu về hiện đại hoá của Trung Quốc là La Vinh Cừ đã suy đoán về 3 làn sóng lớn trong tiến trình hiện đại hoá thế giới, đó là:

“Làn sóng hiện đại hoá thế giới lần thứ nhất là từ cuối thế kỷ XVIII đến giữa thế kỷ XIX, bắt đầu từ cách mạng công nghiệp Anh, sau đó tiến trình công nghiệp hoá lan rộng ra Tây Âu.

Lần thứ hai là từ nửa cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, công nghiệp hoá lan rộng ra châu Âu, sang cả Bắc Mỹ, đồng thời sản xuất được tăng cường ở “thế giới phi phương Tây”⁽²⁾, kéo theo sự khởi đầu hiện đại hoá của “thế giới phi phương Tây”.

Lần thứ ba bắt đầu từ cuối thế kỷ XX. Nó là thời kỳ phát triển thịnh đạt của công nghiệp thế giới, đã lôi cuốn tất cả các quốc gia trên thế giới tham gia vào quá trình công nghiệp hoá”⁽³⁾.

Như vậy, nếu theo suy đoán trên thì CNTB với vũ khí là hiện đại hoá đã áp đặt vào châu Á trong làn sóng hiện đại hoá thế giới lần thứ hai. Thời cận đại, châu Á còn chưa “*giật mình tỉnh ngủ*” và đang chìm đắm trong xã hội phong kiến với chế độ chuyên chế trung ương tập quyền, thì ở châu Âu, CNTB đã ra đời ngay trong lòng chế độ phong kiến, giai cấp tư sản ngày càng lớn mạnh thông qua các cuộc phát kiến địa lý và các phong trào chính trị. Trong quá trình hình thành và phát triển của CNTB, với nhu cầu về thị trường và nguồn lao động, CNTB đã bắt đầu quá trình thám hiểm, mở các cuộc phát kiến địa lý và sau đó là áp đặt văn minh phương Tây vào những vùng đất họ vừa tìm thấy. Một trong những khu vực mà người phương Tây sớm đặt chân đến là châu Á. Đến đây, lịch sử châu Á nói riêng và lịch sử thế giới nói chung bước sang trang mới, thời đại mà “*nông thôn phải phục tùng thành thị, phương Đông phụ thuộc vào phương Tây*”, với sức mạnh của

mình, giai cấp tư sản phương Tây đã “lôi cuốn đến cả những dân tộc dã man nhất vào trào lưu văn minh....những trọng pháo bắn thủng tất cả những bức Vạn lý trường thành và buộc những người dã man nhất cũng phải hàng phục”⁽⁴⁾. Chính do những tác động khách quan từ bên ngoài với sự xâm lược của chủ nghĩa thực dân phương Tây, kết hợp với nhu cầu nội tại chủ quan của từng nước châu Á, đã dẫn tới yêu cầu phải tiến hành cải cách để tìm đường hội nhập.

Sự bành trướng của chủ nghĩa thực dân phương Tây thời cận đại cũng đem đến cho người châu Á những thách thức và nguy cơ, đồng thời cũng tạo cho châu Á những thời cơ và cơ hội để hội nhập. Chính từ những thời cơ và nguy cơ đó nên vào giữa thế kỷ XIX, các quốc gia châu Á đều có 2 mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể giống nhau là:

1- Bảo vệ độc lập chủ quyền, an ninh và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia - dân tộc.

2- Cải cách, duy tân, tự cường, tăng cường sức mạnh nội lực và từng bước nâng cao uy tín, vị trí vai trò quốc gia - dân tộc trên thế giới.

Có thể thấy rằng, trong lịch sử hiện đại hoá thế giới, ban đầu CNTB càng ra sức “mở rộng mô hình hiện đại hoá” (defensive modernization) thì càng nhận được sự “kháng cự mô hình hiện đại hoá” (defensive modernization) của “thế giới phi phương Tây”⁽⁵⁾. Tuy nhiên, phương thức, đường lối, điều kiện và cơ sở giải quyết của mỗi quốc gia châu Á lại khác nhau. Theo Samuel Huntington, có 3 khuynh hướng phản ứng lại hiện đại hoá của các quốc gia châu Á trước sức ép của phương Tây thời cận đại: *thứ nhất*, chối bỏ (đóng cửa đất nước); *thứ hai*, đón nhận

hiện đại hoá và khước từ phương Tây hoá; *thứ ba*, đón nhận cả hiện đại hoá và phương Tây hoá⁽⁶⁾. Tuy nhiên, theo quan điểm của chúng tôi thì cả 3 khuynh hướng này đều diễn ra ở các nước châu Á nhưng vào những thời điểm khác nhau. Vào thời gian này, văn minh phương Tây được hiểu như một nền văn minh tiên tiến, gắn với những thành tựu khoa học kỹ thuật, với tính ưu thắng của nền sản xuất công nghiệp và các phương tiện dùng hiện đại. Do vậy, cũng có quan điểm cho rằng quá trình “*công nghiệp hoá*” (industrialisation) được hiểu đồng nghĩa với “*phương Tây hoá*” (Westernisation) và “*hiện đại hoá*” (modernisation)⁽⁷⁾. Có thể khẳng định rằng, trước nguy cơ của chủ nghĩa thực dân phương Tây, ứng xử của một số quốc gia tiêu biểu như Nhật Bản, Trung Quốc, Thái Lan, Triều Tiên, Việt Nam... là đều thi hành chính sách đóng cửa đất nước, đồng thời tiến hành các cuộc cải cách nhằm canh tân đất nước. Riêng Nhật Bản và Thái Lan sau thời gian đóng cửa đã biết mở cửa đúng lúc nên đã thành công, còn Trung Quốc không nhận thức được xu thế hội nhập nên đã trở thành thuộc địa của chủ nghĩa thực dân. *Rõ ràng, công cuộc cải cách và duy tân đất nước không những dựa vào yếu tố tác động của thế giới bên ngoài mà còn phụ thuộc rất lớn vào khả năng linh hoạt trong chính sách đóng - mở cửa của mỗi quốc gia.*

Như vậy, trước thách thức của chủ nghĩa thực dân phương Tây và những đòi hỏi nội sinh trong nước, vào giữa thế kỷ XIX, ở châu Á đã xuất hiện hàng loạt các cuộc cải cách và tư tưởng cải cách. Nhật Bản tiến hành cải cách Minh Trị Duy Tân năm 1868; Thái Lan có cuộc cải cách của

Chulalongcon (1851-1868); Trung Quốc có phong trào Duy Tân cải cách của Khang Hữu Vi - Lương Khải Siêu; Việt Nam xuất hiện các tư tưởng cải cách của Phạm Phú Thứ, Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch... Nhìn chung, các cuộc cải cách đã được thực hiện ở một số nước, nhưng cũng có những tư tưởng cải cách không được thực hiện mà mãi mãi chỉ nằm trên giấy tờ. Có những cuộc cải cách đã thành công ở Nhật Bản và Thái Lan, có những cuộc cải cách và tư tưởng cải cách không thành công ở Trung Quốc và Việt Nam. Việc thành bại của các cuộc cải cách và tư tưởng cải cách đã có tác động không nhỏ tới chặng đường tiếp theo của mỗi dân tộc. Phong trào cải cách giữa thế kỷ XIX phản ánh xu thế và nhu cầu của thời đại, với khát vọng tự cường dân tộc, thoát khỏi nguy cơ ngoại bang, hội nhập để tiến kịp với trào lưu thế giới. Đúng như PGS. Nguyễn Văn Hồng đã nhận định: "*Phong trào Duy Tân, cải cách mở cửa chính là phản ánh khát vọng chuyển mình hội nhập thời đại của các quốc gia châu Á*" và "*Duy tân - cải cách, cải cách để hội nhập và mở cửa*"⁽⁸⁾.

II. TRUNG QUỐC TRÊN CON ĐƯỜNG CẢI CÁCH, MỞ CỬA VÀ HỘI NHẬP

Ở châu Á nửa đầu thế kỷ XIX đã diễn ra một loạt các cuộc cải cách. Các cuộc cải cách này xuất phát từ hai nguyên nhân chính: *thứ nhất*, trước nguy cơ xâm lược và bành trướng của CNTB phương Tây, nền độc lập của các quốc gia châu Á bị đe dọa; *thứ hai*, chế độ phong kiến đã già nua, cản trở sự phát triển của xã hội, trong khi đó yêu cầu hội nhập đang được đặt ra. Một trong những quốc gia tiêu biểu tiến hành rất nhiều cuộc cải cách nhằm mục đích

chấn hưng dân tộc, bảo vệ nền độc lập cho đất nước là Trung Quốc. Quá trình cải cách của Trung Quốc có nhiều điểm khu biệt. Ban đầu, Trung Quốc ngăn cản phương Tây hoá hoặc hiện đại hoá, nghĩa là đóng cửa đất nước. Mặc dù các nhà truyền đạo Cơ Đốc giáo được phép vào Trung Quốc từ năm 1601, nhưng lại bị đuổi ra vào năm 1722; rồi chính sách "bế quan toả cảng" dưới thời Minh. Chính sách chối bỏ của Trung Quốc chủ yếu bắt nguồn từ ý thức tự coi mình là vương quốc trung tâm với niềm tin sắt đá vào tính ưu việt của nền văn hoá Trung Hoa tốt hơn tất cả các nền văn hoá của các dân tộc khác. Trung Quốc sau một cơn ngủ mê lâu ngày đã "giật mình tỉnh giấc", thấy được sự thua kém của mình trước phương Tây về khoa học kỹ thuật và nhận thấy đất nước láng giềng Nhật Bản đang hiện đại hoá thành công. Với phong trào Dương Vụ học tập khoa học kỹ thuật của phương Tây, Trung Quốc nhận thức được nhu cầu phải hiện đại hoá nhưng không chấp nhận phương Tây hoá. Trung Quốc không muốn thay đổi chế độ, không muốn từ bỏ quyền lợi cá nhân của giai cấp phong kiến. Khi khẩu hiệu của người phương Tây cất lên "*Nếu muốn thành công, các bạn phải giống chúng tôi, con đường chúng tôi đi là con đường duy nhất*"⁽⁹⁾, người Trung Quốc lại sợ phải từ bỏ một nền văn hoá đã từng tồn tại hàng nhiều thế kỷ để thay vào đó một nền văn minh hoàn toàn mới. Lựa chọn này là cố gắng kết hợp hiện đại hoá với việc giữ gìn giá trị văn hoá và các thể chế cốt lõi của nền văn hoá bản địa.

Cuộc chiến tranh Nha phiến với sự có mặt của các nước đế quốc ở Trung Quốc và chiến tranh Trung - Nhật đã làm cho

Trung Quốc dần sâu vào con đường nô dịch, và khởi nghĩa nông dân "Thái Bình Thiên Quốc" là lời cảnh báo cho sự mục nát của chính quyền nhà Thanh. Tất cả những thay đổi trong nước đó đã tạo nên một bối cảnh lịch sử quan trọng và cũng là "nhân tố quan trọng dẫn đến các phong trào cải cách"⁽¹⁰⁾ ở Trung Quốc. Thế kỷ XVIII, Trung Quốc bị suy thoái và bị Mãn Thanh xâm lược vào năm 1640. Chủ nghĩa tư bản phương Tây đến gõ cửa đòi Trung Quốc mở cửa và hội nhập. Lịch sử đặt ra câu hỏi buộc phải trả lời. Cuộc Chiến tranh Nha phiến 1840 thực chất là cái cớ, là chìa khoá để mở cửa Trung Quốc. Trung Quốc thua trận, câu trả lời đầu tiên cho câu hỏi hội nhập của Trung Quốc đã không thành công. Trung Quốc phải mở cửa với thái độ cam chịu, bị động và bảo thủ.

Nhân dân Trung Quốc, đặc biệt là giai cấp nông dân sống trong chế độ phong kiến dưới triều Mãn Thanh đã bị bóc lột nặng nề, nay sự có mặt của chủ nghĩa thực dân càng làm cho cuộc sống và không khí chính trị thêm ngột ngạt. Một bộ phận giai cấp nông dân tập trung tinh thần dân tộc Trung Hoa đã có câu trả lời bằng phong trào "Thái Bình Thiên Quốc" (1851-1864), mong muốn xây dựng một quốc gia thái bình, một xã hội mà mọi người cùng bình đẳng - "xã hội Đại đồng". "Men say" của chiến thắng, mâu thuẫn giữa những người lãnh đạo phong trào đã làm cho phong trào thất bại sau 14 năm kháng chiến và xây dựng. Thái Bình Thiên Quốc là tiếng chuông thức tỉnh Trung Quốc và là câu trả lời thất bại thứ hai về con đường hội nhập.

Trong xã hội phong kiến Trung Quốc, hai giai cấp cơ bản mâu thuẫn với nhau là giai cấp nông dân đại diện cho giai cấp bị

trị và giai cấp phong kiến địa chủ đại diện cho giai cấp thống trị. Sau khi thấy giai cấp nông dân lên tiếng nhưng không thành công trước vận mệnh của đất nước, giai cấp phong kiến Trung Hoa, đại diện là tầng lớp quan lại Mãn Thanh cũng góp tiếng nói để cùng trả lời câu hỏi hội nhập của đất nước. Khác với giai cấp nông dân, tầng lớp quan lại Mãn Thanh nhận thấy rằng "*Tàu Tây nhanh hơn, súng Tây mạnh hơn*", nghĩa là Trung Quốc thua phương Tây ở hai thứ đó. Trung Quốc nhận thức được rằng sức mạnh phương Tây khiến cho xã hội phương Đông không thể bám mãi vào chiến lược thuần túy bài ngoại. Vũ khí của người phương Đông là thành quách và cung tên làm sao chống lại nổi phương Tây với tàu Tây và đại bác. Vì vậy các nhân sĩ Trung Quốc đã phát động phong trào Dương vụ học tập phương Tây về súng đạn để chống lại phương Tây. Phong trào Dương vụ đã công khai và chủ trương tiếp nhận Tây học, mong muốn dùng khoa học kỹ thuật của phương Tây để bổ sung những thiếu sót của văn hóa Trung Hoa. Với tôn chỉ tự cường, "*nhà Thanh đã thủ cựu, không chịu thay đổi, không tiến hành cải cách chế độ*"⁽¹¹⁾, phong trào này bị thất bại trong cuộc đọ súng với Nhật Bản tại cuộc chiến tranh Giáp Ngọ (1894-1895). Con đường mà giai cấp thống trị Mãn Thanh thực hiện đã không đáp ứng được điều kiện phát triển của lịch sử. Câu trả lời cho con đường mở cửa và hội nhập của Trung Quốc lần thứ ba bị đóng sập lại, nhưng phong trào Dương vụ đã "*mở đầu tiến trình hiện đại hoá của Trung Quốc*"⁽¹²⁾.

Khi Nhật Bản đang canh tân đất nước thành công và phát triển mạnh mẽ thì Trung Quốc vẫn đang nằm trong chế độ

phong kiến lạc hậu, đất nước đang bị xâu xé. Trước tình hình ấy, nhiều nhà yêu nước Trung Quốc noi gương Nhật Bản Duy Tân, chủ trương học tập phương Tây để thúc đẩy sự phát triển của đất nước. Tiêu biểu cho trào lưu này là hai nhà yêu nước Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu. Sớm nhận thức được nguy cơ của dân tộc, tháng 6/1896, Khang Hữu Vi dâng thư lên vua Quang Tự xem xét kế hoạch biến pháp và được vua đồng tình ủng hộ. Thông qua 6 bức thư Khang Hữu Vi gửi lên vua Quang Tự, có thể nói rằng đây là *"lần đầu tiên Trung Quốc đưa ra phương án cải tạo toàn diện thể chế đất nước Trung Hoa phong kiến, thuận với trào lưu phát triển của thời đại"*⁽¹³⁾. Giới trí thức Trung Quốc đã học tập Nhật Bản, theo mô hình Nhật Bản để Duy Tân cải cách, Trung Quốc đã học tập giáo dục và khoa học kỹ thuật Nhật Bản. Họ bê nguyên mô hình Nhật Bản vào Trung Quốc, đưa vua Quang Tự ra làm lực lượng chính trị (như Thiên Hoàng Nhật Bản). Biến pháp Mậu Tuất diễn ra từ ngày 11/6 - 21/9/1898, được lịch sử Trung Quốc gọi là "Bách Nhật Duy Tân", với những nội dung cơ bản là :

1. Cải cách chế độ chính trị
2. Cải cách kinh tế
3. Cải cách giáo dục và đào tạo nhân tài...

Trước làn sóng cải cách mạnh mẽ và tương đối toàn diện của phong trào, các thế lực bảo thủ trong triều đình Mãn Thanh đã phản ứng quyết liệt. Trước sự trấn áp dã man của phái bảo thủ, đứng đầu là Từ Hi Thái Hậu, vua Quang Tự bị bắt giam, Khang - Lương phải chạy trốn, phong trào thất bại. Tuy thất bại nhưng Duy Tân Mậu Tuất là câu trả lời của giới

trí thức, đại diện cho tư tưởng tiến bộ Trung Quốc lúc bấy giờ trước nhu cầu hội nhập của Trung Quốc. Câu trả lời ấy vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của lịch sử, nhưng nó là *"bước đột phá, là sự tuyên chiến quyết liệt với chế độ phong kiến, chuyển một nền kinh tế tự nhiên sang một nền kinh tế mang tính chất hàng hóa tư bản chủ nghĩa"*⁽¹⁴⁾. Các học giả của Trung Quốc còn cho rằng: Duy Tân Mậu Tuất là *"cuộc thử nghiệm cận đại hóa tư bản chủ nghĩa lần đầu tiên ở Trung Quốc"*⁽¹⁵⁾.

Trong khi tất cả các phong trào cải cách và đấu tranh của nhân dân Trung Quốc chống lại ách áp bức của chủ nghĩa thực dân và bóc lột của phong kiến đều thất bại thì Tôn Trung Sơn đã xuất hiện. Vốn xuất thân từ tầng lớp tiểu tư sản, ông đã nhận thức rằng không thể hi vọng vào triều đình phong kiến, từ đó ông rút ra kết luận: Trung Quốc phải đi theo con đường phát triển của lịch sử *"triều sóng thế giới cuộn cuộn dâng, thuận dòng thì sống, ngược dòng thì chết"*⁽¹⁶⁾. Ông đã đề ra học thuyết "Tam dân" để tiến hành cách mạng dân chủ tư sản. Cuộc cách mạng Tân Hợi 1911 có phần thắng lợi, có mặt hạn chế, vì vậy có nhà nghiên cứu cho rằng *"Cách mạng Tân Hợi là một cuộc cách mạng nhưng chỉ dừng lại ở một cuộc cải cách"*⁽¹⁷⁾. Tuy chung, Cách mạng Tân Hợi vẫn chưa trả lời một cách đầy đủ về câu hỏi hội nhập và con đường phát triển của Trung Quốc trong hiện tại và tương lai.

Sau khi Tôn Trung Sơn mất vào năm 1925, Trung Quốc diễn ra một thời kỳ hỗn loạn kéo dài. Những mầm mống đầu tiên của giai cấp tư sản đã được cấy vào trong xã hội phong kiến nửa thuộc địa dưới sự khai thác bóc lột và thống trị của CNTB.

Giai cấp vô sản dưới ảnh hưởng của cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 cũng đã được hình thành. Từ đây, trên con đường đi của Trung Quốc đã xuất hiện hai giai cấp. Năm 1921, Đảng Cộng sản Trung Quốc ra đời. Về thực chất, trên chiến hào cách mạng, hai giai cấp tư sản và vô sản có lúc đi kề bên nhau, song có lúc đấu tranh với nhau quyết liệt. Đảng Cộng sản Trung Quốc ngày càng lớn mạnh trên bước đường đấu tranh cách mạng, khẳng định đường lối của chủ nghĩa Mác - Lênin. Tháng 8 - 1927, Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Trung Quốc họp mở rộng, Mao Trạch Đông giành được vị trí lãnh đạo. Mao Trạch Đông chủ trương nắm lấy cái gốc của cách mạng là nông dân, nhờ đó Đảng Cộng sản giành được nhiều thắng lợi trước Quốc Dân đảng. Ngày 1-1-1949, Đảng Cộng sản Trung Quốc chiếm được Bắc Kinh, sau đó ngày 1-10-1949, nước CHND Trung Hoa ra đời, Trung Quốc đi lên xây dựng CNXH. Cuộc cách mạng Văn hoá (1966-1976) làm cho Trung Quốc lâm vào khủng hoảng, Trung Quốc mất đi nhiều cơ hội để hội nhập.

Đặng Tiểu Bình đã xuất hiện và rà soát lại đường lối của Đảng, đưa vấn đề kinh tế trở thành nhiệm vụ trung tâm, vấn đề khoa học kỹ thuật là lực lượng hàng đầu, lấy thực tiễn để kiểm nghiệm chân lý, lấy giáo dục là kế lớn lâu dài cho dân tộc. Hội nghị Trung ương 3 khoá XI Đảng Cộng sản Trung Quốc năm 1978, quyết định thực hiện đường lối cải cách, mở cửa toàn diện đất nước, Trung Quốc đã có những bước tiến đáng kể, tạo điều kiện cơ bản cho công cuộc hiện đại hoá đất nước. Năm 2001, Trung Quốc gia nhập Tổ chức thương mại lớn nhất toàn cầu, đánh dấu mốc son trọng

đại trên con đường xây dựng đất nước, là câu trả lời thành công trên con đường hội nhập.

Như vậy, toàn bộ tiến trình lịch sử từ cuộc Chiến tranh thuốc phiện năm 1840 đến năm 1978, Trung Quốc mất gần một thế kỷ rưỡi tìm cho mình một con đường đi lên, quá trình đó được đánh dấu bằng sự thử nghiệm của các tư tưởng. *Thực chất đó là quá trình chuyển mình của Trung Quốc để hội lưu cùng thời đại – một nhu cầu tất yếu của lịch sử.*

III. NHỮNG TRỞ NGẠI TRÊN CON ĐƯỜNG CẢI CÁCH, MỞ CỬA VÀ HỘI NHẬP CỦA TRUNG QUỐC

Theo Peter Nolan, trên con đường tiếp theo của mình, Trung Quốc đứng trước 8 thách thức cơ bản là: *nghèo khổ và bất bình đẳng, cuộc cách mạng kinh doanh toàn cầu, môi trường, năng lực và vai trò của nhà nước, các mối quan hệ quốc tế, những thách thức trong nội bộ Đảng Cộng sản Trung Quốc, thách thức tâm lý, tài chính*⁽¹⁸⁾. Đó là những thách thức trước mắt. Một câu hỏi được đặt ra là tại sao Trung Quốc tìm đường hội nhập với thế giới lại mất một thời gian dài gần 2 thế kỷ? Để trả lời câu hỏi đó, chúng ta phải quay lại tìm hiểu những trở ngại chủ yếu đối với tiến trình hội nhập của Trung Quốc.

1. Nhận thức về hội nhập là một quá trình

Bất kỳ một tư tưởng mới nào xuất hiện cũng đều không thể có chỗ đứng ngay trong xã hội. Giai cấp thống trị vì quyền lợi của mình sẽ không dễ dàng chấp nhận những tư tưởng cải cách, mở đường cho một phương thức sản xuất mới để rồi đối

lập với chính mình. “Hội nhập” là một khái niệm mới của các nước phương Đông trước cơn lốc thị trường của phương Tây. Ở phương Tây, hội nhập là tất yếu và nhu cầu hội nhập đã xuất hiện ngay trong quá trình hình thành và ra đời của CNTB. Khái niệm hội nhập chỉ có ở các nước lạc hậu dùng để chỉ một quá trình tham gia vào thị trường thế giới, nếu không sẽ không tồn tại được, bởi vì đây là một tất yếu lịch sử. Khi phương Tây đến gõ cửa đòi Trung Quốc mở cửa và hội nhập thì Trung Quốc đóng cửa và sau đó là bị cưỡng bức hội nhập. Khi nhận thức ra nhu cầu phải mở cửa thì những nhận thức đúng đắn đó lại bị hạn chế bởi giai cấp phong kiến. Chính vì vậy, nguyên nhân đầu tiên khiến cho Trung Quốc mất nhiều thời gian tìm kiếm con đường hội nhập chính là vì nhận thức về hội nhập là cả một quá trình, nó quả thực không đơn giản với Trung Quốc, một đất nước luôn coi mình là nhất, không muốn học hỏi bên ngoài.

2. Rào cản của yếu tố lịch sử

Con đường hội nhập của Trung Quốc thời cận đại vừa mang tính tất yếu, vừa mang tính lịch sử. Hội nhập là yêu cầu khách quan không thể cưỡng lại được và bản chất của hội nhập là không thất bại. Quá trình toàn cầu hoá hiện nay thực chất là một cách nắn cho nhân loại đi đúng chiều quay của bánh xe lịch sử. CNTB phương Tây đã lay động và tạo cơ hội cho các quốc gia trên thế giới hội nhập. Tính tất yếu của hội nhập đặt ra cho tất cả các quốc gia nhưng không phải khi nào và lúc nào cũng hội nhập thành công – nghĩa là nó mang tính lịch sử. Hội nhập thành công

không chỉ phụ thuộc vào sức mạnh, tiền đề, điều kiện vật chất và tinh thần bên trong đủ để cho cơ thể đất nước có thể đứng vững trước sự cạnh tranh khốc liệt của thị trường thế giới, cũng như tạo ra một mảnh đất tốt để trồng cấy, lưu giữ những thành tựu bên ngoài; mà nó còn phụ thuộc vào điều kiện thế giới và quan hệ với thế giới bên ngoài. Trong khi cải cách, mở cửa hội nhập vào thị trường thế giới, Thái Lan đã lợi dụng sự kiểm soát của các nước đế quốc để tăng cường vị thế của mình ở khu vực Đông Nam Á. Nhật Bản thực hiện cải cách trên cơ sở cấu trúc chính trị xã hội đã thay đổi về cơ bản. Đó là chính quyền phong kiến Mạc Phủ – lực lượng cản trở công cuộc canh tân đất nước đã bị xoá bỏ. Cuộc cách mạng tư sản thành công xoá bỏ được các hiệp ước bất bình đẳng với phương Tây, trong chiến tranh Nga – Nhật, Trung – Nhật, Nhật Bản chiến thắng làm tăng địa vị Nhật Bản trên trường quốc tế. Trung Quốc trên con đường hội nhập của mình đã bỏ qua quá nhiều cơ hội để có thể rút ngắn con đường hội nhập, mở cửa với thế giới bên ngoài. Khi giới trí thức Trung Quốc nhận thức được con đường thành công của Nhật Bản đã bê nguyên mô hình của Nhật Bản vào Trung Quốc thì lúc ấy phạm trù lịch sử không cho phép thành công. Cải cách của Quang Tự tiến hành trong điều kiện đất nước chưa có sự thay đổi về cơ cấu chính trị xã hội mà vẫn giữ nguyên cấu trúc xã hội cũ. Sau này Cách mạng Tân Hợi nổ ra, tuy chính quyền phong kiến Mãn Thanh bị xoá bỏ, nhưng xã hội vẫn giữ nguyên tính chất một nước phong kiến nửa thuộc địa.

3. Điểm xuất phát thấp

Người ta so sánh rằng, thời cận đại, trên thế giới tồn tại một số xã hội rất hiện đại và một số xã hội rất lạc hậu, mang sắc thái truyền thống. Braudel nhận xét: “Trung Quốc thời nhà Minh chắc chắn gần với Pháp thời Valois, hơn với Trung Quốc thời Mao Trạch Đông với nước Pháp thời Cộng hoà Đệ ngũ”⁽¹⁹⁾. Trung Quốc tiến vào cuộc đua tranh với thế giới với một nền chính trị mang thể chế phong kiến lỗi thời, lạc hậu và bảo thủ; một nền kinh tế nông nghiệp với kỹ thuật thô sơ; đặc biệt, Trung Quốc chưa có một cơ thể khoẻ mạnh khi chưa trải qua cuộc cách mạng tư sản. Cách mạng Tân Hợi nổ ra vào năm 1911 nhưng không triệt để do mầm mống tư bản mà phương Tây cấy vào quá yếu ớt. Cuộc cách mạng tư sản nổ ra sẽ giải quyết được nhiều vấn đề, trước hết là vấn đề công nghiệp hoá, cuộc cách mạng đó sẽ nạp vào xã hội nhiều yếu tố dân chủ, mà muốn hội nhập thì phải hiện đại hoá đất nước, và hiện đại hoá là một cuộc cách mạng được ví với “*sự chuyển biến từ xã hội nguyên thuỷ sang xã hội văn minh*”⁽²⁰⁾.

4. Kéo theo “toa tàu” nông dân quá lớn

Đất nước Trung Quốc rộng lớn với 70-80% dân số là nông dân đã trở thành lực lượng quan trọng và đông đảo trong quá trình đấu tranh chống giặc ngoại xâm, nhưng cũng là một vấn đề lớn gây cản trở quá trình xây dựng đất nước. Ngân hàng thế giới ước tính rằng, Trung Quốc có gần 70% dân số ở nông thôn, trong năm 1995 có 716 triệu người (chiếm 58% dân số) có thu nhập dưới 2 USD/ngày và khoảng 280 triệu người sống với dưới 1USD/ngày⁽²¹⁾. Trong diễn văn miễn nhiệm với tư cách là Thủ tướng Trung Quốc, Chu Dung Cơ đã

cảnh báo: “*Các vấn đề của nông nghiệp, làng xã và nông thôn liên quan tới tình hình tổng thể của cải cách, mở cửa và hiện đại hoá của Trung Quốc. Chúng ta không thể sao nhãng hoặc lơ lửng bất kỳ lúc nào. Nếu chúng ta không thay đổi những điều kiện này thì chúng sẽ cản trở nghiêm trọng và đe dọa sức khoẻ chung của nền kinh tế quốc gia*”⁽²²⁾. Trên con đường hội nhập của mình, Trung Quốc đã phải kéo theo một “toa tàu” nông dân quá lớn đã tạo nên sức ỳ lịch sử.

5. Lực lượng đồng minh mỏng yếu

Trên con đường hội nhập của mình, Trung Quốc không tìm ra cho mình một đồng minh phương Tây thân cận để giúp đỡ, không tạo ra được các mối quan hệ quốc tế cần thiết. Trái lại, các nước tư bản thực dân phương Tây đã liên tục xâu xé Trung Quốc, biến Trung Quốc thành một thị trường cô lập, không thống nhất. Hội nhập là một quá trình và phải diễn ra một cách toàn diện, nhưng với Trung Quốc quá trình đó lại diễn ra ở những mặt riêng lẻ, cải cách đất nước được thực hiện do một nhóm người, ở từng địa phương, không diễn ra trên toàn quốc, do đó không lôi kéo được nhiều người tham gia ủng hộ. Thực chất những xu hướng cải cách xuất hiện ở Trung Quốc cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX không thể trở thành trào lưu chính thống, không đóng được vai trò chủ đạo trong đường hướng phát triển của quốc gia.

Tóm lại, *cải cách - mở cửa - hội nhập* là một quá trình biện chứng, gắn kết chặt chẽ với nhau. Duy tân để cải cách, cải cách để mở cửa, mở cửa để hội nhập, hội nhập

để phát triển cùng thời đại. Hiện nay, trên bước đường thành công của mình, cả thế giới đang ngược nhìn Trung Quốc với con mắt đầy tin tưởng và thán phục.

CHÚ THÍCH:

1. Cận đại hoá ở đây là cụm từ mà nhiều nhà lịch sử dùng để chỉ phong trào hiện đại hoá thời cận đại (Modernization in the course of the modern history), nó mang nội dung hiện đại hoá thời kỳ cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX.

2. Khái niệm “phương Tây” được nhiều học giả nhìn nhận có 3 thành phần chính: châu Âu, Bắc Mỹ và Mỹ La-tinh. Do đó, khái niệm “phi phương Tây” có nghĩa là chỉ các quốc gia phương Đông, chủ yếu bao gồm: châu Á, châu Phi. (Xem thêm Samuel Huntington, *Sự va chạm của các nền văn minh*, Nxb Lao động, 2005, tr32-54).

3. La Vinh Cừ (1993), *Luận giải mới về hiện đại hoá*, Nxb Đại học Bắc Kinh, tr.4 (bản tiếng Trung).

4. C. Mác - Ăngghen: *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, trích CNXH Khoa học (1979), Nxb Sách giáo khoa Mác – Lênin, tr.11-12.

5. Hồ Phúc Vinh (chủ biên) (1994), *Tiến trình lịch sử hiện đại hoá Trung Quốc*, An Huy Nhân dân xuất bản xã, tr84-85. (bản tiếng Trung)

6. Samuel Huntington (2005), *Sự va chạm của các nền văn minh*, Nxb Lao động, tr.80.

7. Vũ Dương Ninh (2003), *Phương Đông trong sự hội nhập văn hoá*, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc (số 3), tr4.3.

8. Nguyễn Văn Hồng (2004), *Phong trào Duy Tân ở châu Á, khát vọng chuyển mình hội lưu thời đại*, trích *Đông Á - Đông Nam Á: Những vấn đề lịch sử và hiện tại*, Nxb Thế giới, Hà Nội, tr.75.

9. Samuel Huntington(2005), *Sự va chạm của các nền văn minh*, Sdd, tr.81.

10. Phùng Thị Huệ (2007), *Phong trào cải cách ở Trung quốc cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX*, trích *Phong trào cải cách ở một số nước Đông Á cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX*, Vũ Dương Ninh (chủ biên), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

11. Lương Chí Minh (2003), *Lịch sử văn hoá và hiện đại hoá Đông Nam Á*, Nxb KHXH Hồng Kông, tr427. (bản tiếng Trung).

12. Lương Chí Minh (2003), *Lịch sử văn hoá và hiện đại hoá Đông Nam Á*, Sdd, tr.422.

13. Đào Duy Đạt (2003), *Cương lĩnh biến pháp Duy tân của Khang Hữu Vi qua sáu bức thư dâng Hoàng đế Quang Tự*, Tạp chí nghiên cứu Trung Quốc (số 4), tr.48.

14. Nguyễn Văn Hồng (2001), *100 năm phong trào Duy Tân Mậu Tuất (1898 - 1998) của Trung Quốc*, trích *Mấy vấn đề lịch sử châu Á và lịch sử Việt Nam một cách nhìn*, Nxb Văn hoá Dân tộc, Hà Nội, tr.235.

15. *Mậu Tuất duy tân vận động nghiên cứu luận văn tập* (1988), Quảng Đông Khang Lương Nghiên cứu hội, tr.7, (bản tiếng Trung).

16. *Tôn Trung Sơn tuyển tập* (1962), Nhân dân xuất bản xã, Bắc Kinh. (bản tiếng Trung).

17. Vũ Dương Ninh (12/2006), ý kiến trong cuộc nói chuyện với sinh viên chuyên ngành Lịch sử thế giới, ĐH KHXH&NV, Hà Nội.

18. Peter Nolan (2005), *Trung Quốc trước ngã ba đường*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr17-91.

19. Samuel Huntington (2005), *Sự va chạm của các nền văn minh*, Sdd, tr.74.

20. Samuel Huntington (2005), *Sự va chạm của các nền văn minh*, Sdd, tr.73.

21. Ngân hàng Thế giới, WDR, 2001: 236.

22. Samuel Huntington (2005), *Sự va chạm của các nền văn minh*, Sdd, tr19.

